

Kon Tum, ngày 01 tháng 4 năm 2024

BẢN NIÊM YẾT THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản –
Trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum. Địa chỉ: 211 Trần Hưng Đạo, TP. Kon
Tum, tỉnh Kon Tum.

II. TỔ CHỨC CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng
huyện Sa Thầy. Địa chỉ: Số 74 Hùng Vương, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy,
tỉnh Kon Tum.

III. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC LÔ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ:

1. Tài sản đấu giá là: Quyền sử dụng đất thuộc Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng
phục vụ giãn dân tại Làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (đợt 2)
lần 4. Tổng số lô đất đấu giá là: 452 lô, cụ thể diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt
trước, bước giá, tiền hồ sơ của từng lô (thửa) đất cụ thể như sau:

STT	Khu đất	Số lô	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm	Tiền đặt trước	Tiền hồ sơ	Bước giá	Ghi chú
I	KHU OT3							
1	OT3	Lô số 1	240	113.520.000	22.704.000	100.000	3.000.000	
2	OT3	Lô số 2	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
3	OT3	Lô số 3	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
4	OT3	Lô số 4	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
5	OT3	Lô số 5	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
6	OT3	Lô số 6	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
7	OT3	Lô số 7	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
8	OT3	Lô số 8	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
9	OT3	Lô số 9	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	

10	OT3	Lô số 10	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
11	OT3	Lô số 11	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
12	OT3	Lô số 12	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
13	OT3	Lô số 13	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
14	OT3	Lô số 14	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
15	OT3	Lô số 15	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
16	OT3	Lô số 16	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
17	OT3	Lô số 17	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
18	OT3	Lô số 18	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
19	OT3	Lô số 19	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
20	OT3	Lô số 20	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
21	OT3	Lô số 21	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
22	OT3	Lô số 22	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
23	OT3	Lô số 23	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
24	OT3	Lô số 24	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
25	OT3	Lô số 25	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
II	KHU OT4							
1	OT4	Lô số 1	545	335.720.000	67.144.000	200.000	3.000.000	
2	OT4	Lô số 2	256	114.944.000	22.988.800	100.000	3.000.000	
III	KHU OT5							

1	OT5	Lô số 1	289,8	169.533.000	33.906.000	100.000	3.000.000	
2	OT5	Lô số 4	303,5	169.353.000	33.870.000	100.000	3.000.000	
IV	OT6							
1	OT6	Lô số 1	266.6	132.233.600	26.446.000	100.000	3.000.000	
2	OT6	Lô số 2	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
3	OT6	Lô số 3	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
4	OT6	Lô số 4	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
5	OT6	Lô số 5	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
6	OT6	Lô số 6	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
7	OT6	Lô số 7	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
8	OT6	Lô số 8	320.6	151.002.600	30.200.000	100.000	3.000.000	
9	OT6	Lô số 9	302.6	142.524.600	28.504.000	100.000	3.000.000	
10	OT6	Lô số 10	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
11	OT6	Lô số 11	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
12	OT6	Lô số 12	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
13	OT6	Lô số 13	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
14	OT6	Lô số 22	354	196.116.000	39.223.000	100.000	3.000.000	
15	OT6	Lô số 23	290	160.660.000	32.132.000	100.000	3.000.000	
16	OT6	Lô số 26	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
17	OT6	Lô số 27	232	104.168.000	20.833.000	200.000	3.000.000	
18	OT6	Lô số 31	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	

19	OT6	Lô số 32	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
20	OT6	Lô số 33	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
21	OT6	Lô số 34	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
22	OT6	Lô số 35	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
23	OT6	Lô số 36	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
24	OT6	Lô số 37	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
25	OT6	Lô số 38	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
26	OT6	Lô số 39	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
27	OT6	Lô số 40	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
28	OT6	Lô số 41	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
29	OT6	Lô số 42	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
30	OT6	Lô số 43	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
31	OT6	Lô số 44	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
32	OT6	Lô số 45	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
33	OT6	Lô số 46	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
34	OT6	Lô số 47	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
35	OT6	Lô số 48	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
36	OT6	Lô số 49	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
37	OT6	Lô số 50	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	

38	OT6	Lô số 51	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
39	OT6	Lô số 52	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
40	OT6	Lô số 53	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
41	OT6	Lô số 54	232,0	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
42	OT6	Lô số 55	298,7	134.116.300	26.823.000	100.000	3.000.000	
43	OT6	Lô số 56	220,0	98.780.000	19.756.000	100.000	3.000.000	
44	OT6	Lô số 57	220,0	98.780.000	19.756.000	100.000	3.000.000	
45	OT6	Lô số 58	351,0	166.023.000	33.204.000	100.000	3.000.000	
V	KHU OT11							
1	OT11	Lô số 1	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
2	OT11	Lô số 2	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
3	OT11	Lô số 3	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
4	OT11	Lô số 4	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
5	OT11	Lô số 5	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
6	OT11	Lô số 6	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
7	OT11	Lô số 7	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
8	OT11	Lô số 8	230	98.440.000	19.688.000	100.000	3.000.000	

9	OT11	Lô số 9	230	98.440.000	19.688.000	100.000	3.000.000	
10	OT11	Lô số 10	230	98.440.000	19.688.000	100.000	3.000.000	
11	OT11	Lô số 11	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
12	OT11	Lô số 12	332.8	142.438.400	28.487.000	100.000	3.000.000	
13	OT11	Lô số 13	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
14	OT11	Lô số 14	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
15	OT11	Lô số 15	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
16	OT11	Lô số 16	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
17	OT11	Lô số 17	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
18	OT11	Lô số 18	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
19	OT11	Lô số 19	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
20	OT11	Lô số 20	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
21	OT11	Lô số 21	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
22	OT11	Lô số 22	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
23	OT11	Lô số 23	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
24	OT11	Lô số 24	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
25	OT11	Lô số 25	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
26	OT11	Lô số 26	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
27	OT11	Lô số 27	342.6	146.632.800	29.326.000	100.000	3.000.000	
28	OT11	Lô số 29	445	246.530.000	49.306.000	200.000	3.000.000	
29	OT11	Lô số 31	232	109.272.000	21.854.000	200.000	3.000.000	

30	OT11	Lô số 32	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
31	OT11	Lô số 34	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
32	OT11	Lô số 35	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
33	OT11	Lô số 36	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
34	OT11	Lô số 37	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
35	OT11	Lô số 38	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
36	OT11	Lô số 39	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
37	OT11	Lô số 40	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
38	OT11	Lô số 41	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
39	OT11	Lô số 42	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
40	OT11	Lô số 43	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
41	OT11	Lô số 44	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
42	OT11	Lô số 45	274.7	129.383.700	25.876.000	100.000	3.000.000	
43	OT11	Lô số 46	605.8	285.331.800	57.066.000	200.000	3.000.000	
44	OT11	Lô số 47	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
45	OT11	Lô số 48	232	109.272.000	21.854.000	200.000	3.000.000	
46	OT11	Lô số 49	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
47	OT11	Lô số 51	230.5	108.565.500	21.854.000	100.000	3.000.000	
48	OT11	Lô số 52	205.1	96.602.100	19.320.000	100.000	3.000.000	
49	OT11	Lô số 54	288	137.088.000	27.417.000	100.000	3.000.000	
50	OT11	Lô số 55	375.8	188.275.800	37.655.000	100.000	3.000.000	

VI	KHU OT12							
1	OT12	Lô số 4	320	142.080.000	28.416.000	100.000	3.000.000	
2	OT12	Lô số 21	320	149.120.000	29.824.000	100.000	3.000.000	
3	OT12	Lô số 35	320	177.280.000	35.456.000	100.000	3.000.000	
VII	KHU OT13							
1	OT13	Lô số 1	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
2	OT13	Lô số 2	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
3	OT13	Lô số 3	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
4	OT13	Lô số 4	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
5	OT13	Lô số 5	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
6	OT13	Lô số 6	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
7	OT13	Lô số 7	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
8	OT13	Lô số 8	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
9	OT13	Lô số 9	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
10	OT13	Lô số 10	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
11	OT13	Lô số 11	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
12	OT13	Lô số 12	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
13	OT13	Lô số 13	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
14	OT13	Lô số 14	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
15	OT13	Lô số 15	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
16	OT13	Lô số 16	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	

17	OT13	Lô số 17	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
18	OT13	Lô số 18	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
19	OT13	Lô số 19	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
20	OT13	Lô số 33	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
21	OT13	Lô số 34	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
22	OT13	Lô số 35	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
23	OT13	Lô số 36	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
24	OT13	Lô số 37	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
25	OT13	Lô số 38	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
26	OT13	Lô số 39	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
27	OT13	Lô số 40	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
28	OT13	Lô số 41	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
29	OT13	Lô số 42	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
30	OT13	Lô số 43	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
31	OT13	Lô số 44	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
32	OT13	Lô số 45	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
33	OT13	Lô số 46	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
34	OT13	Lô số 47	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
35	OT13	Lô số 48	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
36	OT13	Lô số 49	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
37	OT13	Lô số 50	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	

38	OT13	Lô số 51	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
39	OT13	Lô số 52	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
40	OT13	Lô số 53	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
41	OT13	Lô số 54	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
42	OT13	Lô số 55	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
43	OT13	Lô số 56	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
44	OT13	Lô số 57	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
45	OT13	Lô số 58	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
46	OT13	Lô số 59	232	99.296.000	19.859.000	200.000	3.000.000	
47	OT13	Lô số 60	238	119.238.000	23.847.000	100.000	3.000.000	
48	OT13	Lô số 61	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
49	OT13	Lô số 62	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
50	OT13	Lô số 63	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
51	OT13	Lô số 64	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
52	OT13	Lô số 65	240	109.200.000	21.840.000	100.000	3.000.000	
	KHU OT20							
1	OT20	Lô số 23	224.7	92.127.000	18.425.000	100.000	3.000.000	
2	OT20	Lô số 24	248	101.680.000	20.336.000	100.000	3.000.000	
3	OT20	Lô số 25	235	96.350.000	19.270.000	100.000	3.000.000	
4	OT20	Lô số 26	233.7	95.817.000	19.163.000	100.000	3.000.000	
	KHU OT1							

1	OT1	Lô số 1	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
2	OT1	Lô số 2	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
3	OT1	Lô số 3	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
4	OT1	Lô số 4	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
5	OT1	Lô số 5	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
	KHU OT2							
1	OT2	Lô số 1	438.8	230.808.800	46.161.000	200.000	3.000.000	
2	OT2	Lô số 2	486.2	229.972.600	45.994.000	200.000	3.000.000	
3	OT2	Lô số 3	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
4	OT2	Lô số 4	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
5	OT2	Lô số 5	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
6	OT2	Lô số 6	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
7	OT2	Lô số 7	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
8	OT2	Lô số 8	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
9	OT2	Lô số 9	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
10	OT2	Lô số 10	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
11	OT2	Lô số 11	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
12	OT2	Lô số 12	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
13	OT2	Lô số 13	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
14	OT2	Lô số 14	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
15	OT2	Lô số 15	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	

16	OT2	Lô số 16	240	107.760.000	21.552.000	100.000	3.000.000	
XI	KHU OT 07							
17	OT7	Lô số 1	230.3	103.404.700	20.680.000	100.000	3.000.000	
18	OT7	Lô số 2	290.3	130.344.700	26.068.000	100.000	3.000.000	
19	OT7	Lô số 3	361.7	162.403.300	32.480.000	100.000	3.000.000	
20	OT7	Lô số 4	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
21	OT7	Lô số 5	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
22	OT7	Lô số 6	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
23	OT7	Lô số 7	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
24	OT7	Lô số 8	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
25	OT7	Lô số 9	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
26	OT7	Lô số 10	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
27	OT7	Lô số 11	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
28	OT7	Lô số 12	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
29	OT7	Lô số 13	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
30	OT7	Lô số 14	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
31	OT7	Lô số 15	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
32	OT7	Lô số 16	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
33	OT7	Lô số 17	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
34	OT7	Lô số 18	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
35	OT7	Lô số 19	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	

36	OT7	Lô số 20	232	104.168.000	20.833.000	100.000	3.000.000	
37	OT7	Lô số 21	283.6	127.336.400	25.467.000	100.000	3.000.000	
38	OT7	Lô số 22	283	127.067.000	25.413.000	100.000	3.000.000	
39	OT7	Lô số 23	287.4	129.042.600	25.808.000	100.000	3.000.000	
40	OT7	Lô số 25	240.6	113.803.800	22.760.000	100.000	3.000.000	
41	OT7	Lô số 26	247.7	117.162.100	23.432.000	100.000	3.000.000	
42	OT7	Lô số 27	361.2	170.125.200	34.025.000	100.000	3.000.000	
43	OT7	Lô số 28	366.6	172.668.600	34.533.000	100.000	3.000.000	
44	OT7	Lô số 29	210	98.910.000	19.782.000	100.000	3.000.000	
45	OT7	Lô số 30	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
46	OT7	Lô số 31	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
47	OT7	Lô số 32	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
48	OT7	Lô số 33	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
49	OT7	Lô số 34	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
50	OT7	Lô số 35	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
51	OT7	Lô số 36	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
52	OT7	Lô số 37	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
53	OT7	Lô số 38	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
54	OT7	Lô số 39	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
55	OT7	Lô số 40	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
56	OT7	Lô số 41	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	

57	OT7	Lô số 42	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
58	OT7	Lô số 43	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
59	OT7	Lô số 44	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
60	OT7	Lô số 45	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
61	OT7	Lô số 46	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
62	OT7	Lô số 47	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
63	OT7	Lô số 48	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
64	OT7	Lô số 49	232	109.272.000	21.854.000	100.000	3.000.000	
65	OT7	Lô số 52	222.1	104.609.100	20.921.000	100.000	3.000.000	
66	OT7	Lô số 53	322.3	151.803.300	30.360.000	100.000	3.000.000	
XII	KHU OT 08							
1	OT8	Lô số 1	226.4	106.634.400	21.326.000	100.000	3.000.000	
2	OT8	Lô số 2	226.4	106.634.400	21.326.000	100.000	3.000.000	
3	OT8	Lô số 3	226.7	106.775.700	21.355.000	100.000	3.000.000	
4	OT8	Lô số 4	227	106.917.000	21.383.000	100.000	3.000.000	
5	OT8	Lô số 5	227.2	107.011.200	21.402.000	100.000	3.000.000	
6	OT8	Lô số 6	227.6	107.199.600	21.439.000	100.000	3.000.000	
7	OT8	Lô số 7	228	107.388.000	21.477.000	100.000	3.000.000	
8	OT8	Lô số 8	228	107.388.000	21.477.000	100.000	3.000.000	
9	OT8	Lô số 9	228.3	107.529.300	21.505.000	100.000	3.000.000	
10	OT8	Lô số 10	228.8	107.764.800	21.552.000	100.000	3.000.000	

11	OT8	Lô số 11	228.8	107.764.800	21.552.000	100.000	3.000.000	
12	OT8	Lô số 12	276.6	130.278.600	26.055.000	100.000	3.000.000	
13	OT8	Lô số 13	235	110.685.000	22.137.000	100.000	3.000.000	
14	OT8	Lô số 17	252.3	119.337.900	23.867.000	100.000	3.000.000	
15	OT8	Lô số 21	229.7	103.135.300	20.627.000	100.000	3.000.000	
16	OT8	Lô số 22	217.7	97.747.300	19.549.000	100.000	3.000.000	
17	OT8	Lô số 23	229.2	102.910.800	20.582.000	100.000	3.000.000	
18	OT8	Lô số 24	228.8	102.731.200	20.546.000	100.000	3.000.000	
19	OT8	Lô số 25	228.8	102.731.200	20.546.000	100.000	3.000.000	
20	OT8	Lô số 26	228.3	102.506.700	20.501.000	100.000	3.000.000	
21	OT8	Lô số 27	228	102.372.000	20.474.000	100.000	3.000.000	
22	OT8	Lô số 28	228	102.372.000	20.474.000	100.000	3.000.000	
23	OT8	Lô số 29	227.5	102.147.500	20.429.000	100.000	3.000.000	
24	OT8	Lô số 30	227.2	102.012.800	20.402.000	100.000	3.000.000	
25	OT8	Lô số 31	269.8	121.140.200	24.228.000	100.000	3.000.000	
26	OT8	Lô số 32	307.8	145.589.400	29.117.000	100.000	3.000.000	
XIII	KHU OT9							
1	OT9	Lô số 1	417.5	211.255.000	42.251.000	200.000	3.000.000	
2	OT9	Lô số 2	235.3	107.061.500	21.412.000	100.000	3.000.000	
3	OT9	Lô số 3	220.8	100.464.000	20.092.000	100.000	3.000.000	
4	OT9	Lô số 4	285.2	129.766.000	25.953.000	100.000	3.000.000	

5	OT9	Lô số 5	280.6	127.673.000	25.534.000	100.000	3.000.000	
6	OT9	Lô số 6	437.9	206.250.900	41.250.000	200.000	3.000.000	
7	OT9	Lô số 7	443.8	209.029.800	41.805.000	200.000	3.000.000	
8	OT9	Lô số 8	449.7	211.808.700	42.361.000	200.000	3.000.000	
9	OT9	Lô số 9	455.6	214.587.600	42.917.000	200.000	3.000.000	
10	OT9	Lô số 10	494	232.674.000	46.534.000	200.000	3.000.000	
11	OT9	Lô số 11	537.9	242.592.900	48.518.000	200.000	3.000.000	
12	OT9	Lô số 12	466.9	210.571.900	42.114.000	200.000	3.000.000	
13	OT9	Lô số 13	460.3	207.595.300	41.519.000	200.000	3.000.000	
14	OT9	Lô số 14	453.6	204.573.600	40.914.000	200.000	3.000.000	
15	OT9	Lô số 15	447.2	201.687.200	40.337.000	200.000	3.000.000	
16	OT9	Lô số 16	439.8	198.349.800	39.669.000	100.000	3.000.000	
17	OT9	Lô số 17	431.2	194.471.200	38.894.000	100.000	3.000.000	
18	OT9	Lô số 18	422.6	190.592.600	38.118.000	100.000	3.000.000	
19	OT9	Lô số 19	414	186.714.000	37.342.000	100.000	3.000.000	
20	OT9	Lô số 20	405.4	182.835.400	36.567.000	100.000	3.000.000	
21	OT9	Lô số 21	396.7	178.911.700	35.782.000	100.000	3.000.000	
22	OT9	Lô số 22	240	108.240.000	21.648.000	100.000	3.000.000	
23	OT9	Lô số 23	240	108.240.000	21.648.000	100.000	3.000.000	
IX	KHU OT10							
	OT10	Lô số 1	270.4	115.731.200	23.146.000	100.000	3.000.000	

1	OT10	Lô số 2	274.7	117.571.600	23.514.000	100.000	3.000.000	
2	OT10	Lô số 3	259.2	110.937.600	22.187.000	100.000	3.000.000	
3	OT10	Lô số 4	274	117.272.000	23.454.000	100.000	3.000.000	
4	OT10	Lô số 5	241.9	103.533.200	20.706.000	100.000	3.000.000	
5	OT10	Lô số 6	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
6	OT10	Lô số 7	238.4	119.438.400	23.887.000	100.000	3.000.000	
7	OT10	Lô số 8	221.5	105.434.000	21.086.000	100.000	3.000.000	
8	OT10	Lô số 9	221.5	105.434.000	21.086.000	100.000	3.000.000	
9	OT10	Lô số 10	434.2	227.086.600	45.417.000	200.000	3.000.000	
10	OT10	Lô số 11	358.6	168.900.600	33.780.000	100.000	3.000.000	
11	OT10	Lô số 12	436.4	205.544.400	41.108.000	200.000	3.000.000	
12	OT10	Lô số 13	274.4	129.242.400	25.848.000	100.000	3.000.000	
13	OT10	Lô số 14	253.6	119.445.600	23.889.000	100.000	3.000.000	
14	OT10	Lô số 15	227.9	113.038.400	22.607.000	100.000	3.000.000	
15	OT10	Lô số 16	212.6	100.134.600	20.026.000	100.000	3.000.000	
16	OT10	Lô số 17	212.6	100.134.600	20.026.000	100.000	3.000.000	
17	OT10	Lô số 18	230.6	108.612.600	21.722.000	100.000	3.000.000	
18	OT10	Lô số 19	230.6	108.612.600	21.722.000	100.000	3.000.000	
19	OT10	Lô số 20	249.9	123.950.400	24.790.000	100.000	3.000.000	
X	KHU OT14							
1	OT14	Lô số 1	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	

2	OT14	Lô số 2	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
3	OT14	Lô số 3	400	180.400.000	36.080.000	100.000	3.000.000	
4	OT14	Lô số 4	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
5	OT14	Lô số 5	232	104.632.000	20.926.000	100.000	3.000.000	
6	OT14	Lô số 6	257.1	123.150.900	24.630.000	100.000	3.000.000	
7	OT14	Lô số 7	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
8	OT14	Lô số 8	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
9	OT14	Lô số 9	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
10	OT14	Lô số 10	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
11	OT14	Lô số 11	257.1	116.980.500	23.396.000	100.000	3.000.000	
12	OT14	Lô số 12	257.1	128.807.100	25.761.000	100.000	3.000.000	
13	OT14	Lô số 13	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
14	OT14	Lô số 14	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
15	OT14	Lô số 15	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
16	OT14	Lô số 16	232	99.296.000	19.859.000	100.000	3.000.000	
17	OT14	Lô số 17	256.4	127.174.400	25.434.000	100.000	3.000.000	
18	OT14	Lô số 18	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	
19	OT14	Lô số 19	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	
20	OT14	Lô số 20	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	
21	OT14	Lô số 21	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	
22	OT14	Lô số 22	256.1	120.623.100	24.124.000	100.000	3.000.000	

23	OT14	Lô số 23	256.4	127.174.400	25.434.000	100.000	3.000.000	
XI	KHU OT17							
1	OT17	Lô số 1	360	140.400.000	28.080.000	100.000	3.000.000	
2	OT17	Lô số 2	403.3	157.287.000	31.457.000	100.000	3.000.000	
3	OT17	Lô số 3	413.6	161.304.000	32.260.000	100.000	3.000.000	
4	OT17	Lô số 4	445.3	173.667.000	34.733.000	100.000	3.000.000	
5	OT17	Lô số 5	444.1	173.199.000	34.639.000	100.000	3.000.000	
6	OT17	Lô số 6	443	172.770.000	34.554.000	100.000	3.000.000	
7	OT17	Lô số 7	442	172.380.000	34.476.000	100.000	3.000.000	
8	OT17	Lô số 8	440.6	171.834.000	34.366.000	100.000	3.000.000	
9	OT17	Lô số 9	439.4	171.366.000	34.273.000	100.000	3.000.000	
10	OT17	Lô số 10	438.3	170.937.000	34.187.000	100.000	3.000.000	
11	OT17	Lô số 11	437.2	170.508.000	34.101.000	100.000	3.000.000	
12	OT17	Lô số 12	436	170.040.000	34.008.000	100.000	3.000.000	
13	OT17	Lô số 13	419.8	189.329.800	37.865.000	100.000	3.000.000	
14	OT17	Lô số 14	418.5	188.743.500	37.748.000	100.000	3.000.000	
15	OT17	Lô số 15	417.6	188.337.600	37.667.000	100.000	3.000.000	
16	OT17	Lô số 16	416.5	187.841.500	37.568.000	100.000	3.000.000	
17	OT17	Lô số 17	415.2	187.255.200	37.451.000	100.000	3.000.000	
18	OT17	Lô số 18	414	186.714.000	37.342.000	100.000	3.000.000	
19	OT17	Lô số 19	412.8	186.172.800	37.234.000	100.000	3.000.000	

20	OT17	Lô số 20	411.6	185.631.600	37.126.000	100.000	3.000.000	
21	OT17	Lô số 21	410.4	185.090.400	37.018.000	100.000	3.000.000	
22	OT17	Lô số 22	339.2	154.336.000	30.867.000	100.000	3.000.000	
23	OT17	Lô số 23	372.6	169.533.000	33.906.000	100.000	3.000.000	
1	OT17	Lô số 24	405	184.275.000	36.855.000	100.000	3.000.000	
2	OT17	Lô số 25	393	178.815.000	35.763.000	100.000	3.000.000	
3	OT18							
4	OT18	Lô số 1	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
5	OT18	Lô số 2	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
6	OT18	Lô số 3	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
7	OT18	Lô số 4	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
8	OT18	Lô số 5	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
9	OT18	Lô số 6	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
10	OT18	Lô số 7	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
11	OT18	Lô số 8	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
12	OT18	Lô số 9	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
13	OT18	Lô số 10	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
14	OT18	Lô số 11	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
15	OT18	Lô số 12	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
16	OT18	Lô số 13	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
17	OT18	Lô số 14	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	

18	OT18	Lô số 15	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
19	OT18	Lô số 16	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
20	OT18	Lô số 17	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
21	OT18	Lô số 18	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
22	OT18	Lô số 19	240	93.600.000	18.720.000	100.000	3.000.000	
23	OT18	Lô số 20	253	109.296.000	21.859.000	100.000	3.000.000	
24	OT18	Lô số 21	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	
25	OT18	Lô số 22	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	
26	OT18	Lô số 23	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	
27	OT18	Lô số 24	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	
28	OT18	Lô số 25	228	93.480.000	18.696.000	100.000	3.000.000	
29	OT18	Lô số 26	253	109.296.000	21.859.000	100.000	3.000.000	
30	OT18	Lô số 27	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
31	OT18	Lô số 28	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
32	OT18	Lô số 29	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
33	OT18	Lô số 30	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
34	OT18	Lô số 31	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
35	OT18	Lô số 32	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
36	OT18	Lô số 33	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
37	OT18	Lô số 34	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
38	OT18	Lô số 35	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	

39	OT18	Lô số 36	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
40	OT18	Lô số 37	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
41	OT18	Lô số 38	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
42	OT18	Lô số 39	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
43	OT18	Lô số 40	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
44	OT18	Lô số 41	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
45	OT18	Lô số 42	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
46	OT18	Lô số 43	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
47	OT18	Lô số 44	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
48	OT18	Lô số 45	240	98.400.000	19.680.000	100.000	3.000.000	
49	OT18	Lô số 46	253	109.296.000	21.859.000	100.000	3.000.000	
50	OT18	Lô số 47	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
51	OT18	Lô số 48	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
52	OT18	Lô số 49	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
53	OT18	Lô số 50	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
54	OT18	Lô số 51	228	98.496.000	19.699.000	100.000	3.000.000	
55	OT18	Lô số 52	253	109.296.000	21.859.000	100.000	3.000.000	
XVIII	KHU OT19							
1	OT19	Lô số 1	324.5	133.045.000	26.609.000	100.000	3.000.000	
2	OT19	Lô số 2	324.2	132.922.000	26.584.000	100.000	3.000.000	
3	OT19	Lô số 3	324.2	132.922.000	26.584.000	100.000	3.000.000	

4	OT19	Lô số 4	324.2	132.922.000	26.584.000	100.000	3.000.000	
5	OT19	Lô số 5	367.4	150.634.000	30.126.000	100.000	3.000.000	
6	OT19	Lô số 6	323.6	132.676.000	26.535.000	100.000	3.000.000	
7	OT19	Lô số 7	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	
8	OT19	Lô số 8	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	
9	OT19	Lô số 9	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	
10	OT19	Lô số 10	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	
11	OT19	Lô số 11	323.4	132.594.000	26.518.000	100.000	3.000.000	
12	OT19	Lô số 12	256	116.480.000	23.296.000	100.000	3.000.000	
13	OT19	Lô số 13	256	116.480.000	23.296.000	100.000	3.000.000	
14	OT19	Lô số 14	256	116.480.000	23.296.000	100.000	3.000.000	
15	OT19	Lô số 15	256	116.480.000	23.296.000	100.000	3.000.000	
16	OT19	Lô số 16	236.4	113.235.600	22.647.000	100.000	3.000.000	
17	OT19	Lô số 17	323.2	145.763.200	29.152.000	100.000	3.000.000	
18	OT19	Lô số 18	323.2	145.763.200	29.152.000	100.000	3.000.000	
19	OT19	Lô số 19	323.2	145.763.200	29.152.000	100.000	3.000.000	
20	OT19	Lô số 20	322.8	145.582.800	29.152.000	100.000	3.000.000	
21	OT19	Lô số 21	322.4	145.402.400	29.080.000	100.000	3.000.000	
22	OT19	Lô số 22	322.4	145.402.400	29.080.000	100.000	3.000.000	
23	OT19	Lô số 23	322.4	145.402.400	29.080.000	100.000	3.000.000	
24	OT19	Lô số 24	322.4	145.402.400	29.080.000	100.000	3.000.000	

25	OT19	Lô số 25	322	145.222.000	29.044.000	100.000	3.000.000	
26	OT19	Lô số 26	321.6	145.041.600	29.008.000	100.000	3.000.000	
27	OT19	Lô số 27	321.6	145.041.600	29.008.000	100.000	3.000.000	
28	OT19	Lô số 28	321.6	145.041.600	29.008.000	100.000	3.000.000	
29	OT19	Lô số 29	391.7	176.656.700	35.331.000	100.000	3.000.000	

- Giá trúng đấu giá chưa bao gồm lệ phí trước bạ và phí địa chính. Khách hàng trúng đấu giá phải nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Mục đích sử dụng đất sau khi trúng đấu giá: Đất ở nông thôn.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Vị trí: Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1. Đơn đăng ký tham gia đấu giá tài sản.

2.2. Căn cước công dân.

2.3. Giấy nộp tiền đặt trước.

2.4. Phiếu trả giá.

3. Thời gian tổ chức buổi công bố giá: Bắt đầu vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2024.

4. Địa điểm tổ chức buổi công bố giá: Tại Hội trường UBND huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

5. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tham khảo hồ sơ tài sản đấu giá: Từ ngày thông báo đến 10 giờ, ngày 22/4/2024 tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum (*Số 211 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*) và Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy (*74 Hùng Vương, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum*).

6. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến 10 giờ, ngày 22/4/2024 tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum (*Số 211 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*).

7. Thời gian xem tài sản đấu giá: Từ ngày thông báo đến ngày 22/4/2024.

8. Địa điểm xem tài sản: Làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

9. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Mỗi thửa (lô) đất tổ chức một cuộc đấu giá.
- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp, được quy định tại Điều 43 và khoản 2, Điều 50 Luật Đấu giá tài sản 2016.
- Quy định trả giá: Giá trả bằng giá khởi điểm cộng tối thiểu một bước giá, trả giá phải trả cả bằng số và cả bằng chữ tại phiếu trả giá, giữa số và chữ phải thống nhất.
- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

10. Quy định nộp tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước:

- Tiền mua hồ sơ nộp bằng tiền mặt.
- Tiền đặt trước nộp bằng chuyển khoản, vào tài khoản số **5100201009520** của **Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản**, mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum. Tiền đặt trước nộp ngày 17, 19 và ngày 22/4/2024.

11. Đấu giá quyền sử dụng đất theo các văn bản sau:

Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của UBND huyện Sa Thầy về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện Sa Thầy về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Sa Thầy về việc Điều chỉnh Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy và điều chỉnh, bổ sung phương án đấu giá quyền sử dụng đất Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xộp, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy, về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại Làng Xộp, xã Mo Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (đợt 2); Thông báo số 79/CV-BQL ngày 01/3/2024 của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy.

12. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Cá nhân, Hộ gia đình thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại điều 55 của Luật đất đai năm 2013 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc vào trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 38, Luật đấu giá tài sản năm 2016. Người tham gia đấu giá đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

Để biết thêm chi tiết xin liên hệ tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (số 211 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) và Ban quản lý dự án

Đầu tư xây dựng huyện Sa Thầy (số 74 Hùng Vương, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum) số điện thoại: 0260.3911 069./.

Nơi nhận:

- TTDVĐG tài sản (Đề niêm yết);
- Hội trường UBND huyện Sa Thầy (Đề niêm yết);
- BQL dự án ĐTXD huyện Sa Thầy (Đề niêm yết);
- Trụ sở UBND xã Mô Rai (Đề niêm yết);
- Nơi có tài sản đấu giá;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (Đề đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (Đề đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư Pháp (Đề đăng tải);
- Khách hàng đăng ký mua tài sản (kèm hồ sơ);
- Lưu: VT, HS/ĐGTS.



GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Thuỷ